

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805603] - Thực tập điện cơ bản
(CCQ2315AB)

CBGD: Trần Trung Thuận (280035)

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150006	Lê Hữu	Bằng	08/06/2005	CCQ2315A			7,0	8,0	7,6
2	2123150034	Nguyễn Văn	Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A			7,0	6,0	6,4
3	2123150031	Lê Thành	Đạt	13/11/2005	CCQ2315A			7,0	8,0	7,6
4	2123150030	Nguyễn Thành	Đạt	17/08/2005	CCQ2315A			5,0	5,0	5,0
5	2122140063	Phan Đức	Đạt	10/04/2004	CCQ2214B					
6	2123150010	Trần Khánh	Duy	26/08/2005	CCQ2315A					
7	2123150036	Võ Hồ Bảo	Duy	14/06/2005	CCQ2315A			7,0	8,0	7,6
8	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B			6,0	7,0	6,6
9	2123150020	Đoàn Hoàng	Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A			5,5	7,0	6,4
10	2123150035	Trần Minh	Hồ	06/05/2005	CCQ2315A			5,5	6,0	5,8
11	2122140049	Nguyễn Xuân	Hoàng	13/10/2004	CCQ2214B			6,5	8,0	7,4
12	2122140062	Phạm Xuân	Hùng	02/10/2004	CCQ2214B			5,5	7,0	6,4
13	2123150019	Lê Văn	Hưng	13/01/2005	CCQ2315A			7,0	8,0	7,6
14	2123150007	Lê Thanh	Huy	28/03/2005	CCQ2315A			7,0	5,0	5,8
15	2123150003	Phạm Duy	Khanh	07/05/2004	CCQ2315A			6,5	7,0	6,8
16	2123150015	Phan Nguyễn Nhật	Khoa	22/08/2005	CCQ2315A					
17	2123150073	Phan Đình	Khôi	27/05/2003	CCQ2315B			5,0	6,0	5,6
18	2123150029	Trương Tuấn	Kiệt	28/01/2005	CCQ2315A			6,0	7,0	6,6
19	2123150037	Trần Hoài	Linh	13/09/2005	CCQ2315A			5,5	6,0	5,8
20	2123150021	Nguyễn Thành	Lộc	08/05/2003	CCQ2315A			6,0	6,0	6,0
21	2123150023	Tô Hữu	Lực	29/01/2005	CCQ2315A			4,5	7,0	6,0
22	2123150033	Phan Văn	Minh	20/09/2004	CCQ2315A			3,5	7,0	5,6
23	2123150070	Lê Hoài	Nam	05/10/2005	CCQ2315B			5,0	6,0	5,6
24	2123150014	Nguyễn Hồng	Nhật	01/06/2005	CCQ2315A			6,0	7,0	6,6
25	2123150012	Võ Văn	Phát	07/07/2005	CCQ2315A			6,0	8,0	7,2
26	2122140055	Nguyễn Hoàng	Phúc	15/06/2004	CCQ2214B			5,5	5,0	5,2
27	2122140041	Phan Văn	Phương	03/12/2004	CCQ2214B			6,0	7,0	6,6
28	2122140040	Trần Văn	Quốc	01/02/2002	CCQ2214B			6,5	7,0	6,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805604] - Thực tập điện cơ bản
(CCQ2315AB)

CBGD: Trần Trung Thuận (280035)

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150067	Lê Nhật	Anh	25/08/2005	CCQ2315B		<i>(Signature)</i>	6,5	5,0	5,6
2	2123150044	Lê Đình	Chương	15/05/2005	CCQ2315B		<i>(Signature)</i>	7,0	9,0	8,2
3	2123150009	Trần Thành	Danh	07/03/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	6,0	9,0	7,8
4	2123150056	Nguyễn Ngọc Tiến	Đạt	05/02/2005	CCQ2315B		<i>(Signature)</i>	5,5	6,0	5,8
5	2123150054	Trần Thành	Đạt	19/05/2005	CCQ2315B		<i>(Signature)</i>	7,5	9,0	8,4
6	2123150043	Huỳnh Quốc	Duy	11/09/2003	CCQ2315B		<i>(Signature)</i>	5,5	9,0	7,6
7	2123150055	Châu Hoàng	Gia	11/08/2005	CCQ2315B					
8	2123150050	Phạm Ngọc	Hiền	14/03/2005	CCQ2315B		<i>(Signature)</i>	6,5	8,0	7,4
9	2123150061	Nguyễn Nhất	Hòa	21/05/2005	CCQ2315B		<i>(Signature)</i>	6,0	6,0	6,0
10	2123150005	Đỗ Văn	Phú	05/10/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	7,0	8,0	7,6
11	2123150013	Võ Hồng	Phúc	30/11/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	6,5	8,0	7,4
12	2123150022	Lê Minh	Quân	12/11/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	6,0	8,0	7,2
13	2123150004	Nguyễn Hiếu	Quân	08/10/2003	CCQ2315A					
14	2123150027	Lê Văn	Quyển	01/01/2004	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	6,0	8,0	7,2
15	2123150016	Trần Ngọc	Thanh	29/12/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	7,0	9,0	8,2
16	2123150025	Khúc Văn	Tiến	05/10/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	7,5	8,0	7,8
17	2123150008	Nguyễn Chí	Tiến	09/04/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	7,0	8,0	7,6
18	2123150017	Phạm Minh	Trường	17/01/2003	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	7,0	8,0	7,6
19	2123150032	Phạm Quang	Trường	01/01/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	6,0	9,0	7,8
20	2123150018	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	03/04/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	7,0	8,0	7,6
21	2123150024	Võ Anh	Tuấn	19/11/2005	CCQ2315A		<i>(Signature)</i>	5,5	8,0	7,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

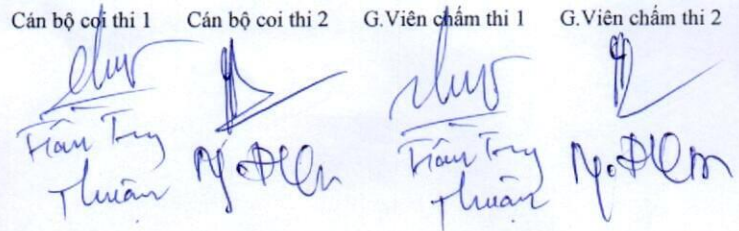
Môn học : [22805613] - Thực tập điện cơ bản
(CCQ2306AB)

CBGD: Trần Trung Thuận (280035)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....



STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123060225	Trương Thiên	Hậu	23/08/2004	CCQ2306A					
2	2123060224	Phạm Việt	Hoàng	27/12/2005	CCQ2306A		Hoàng	7,0	8,0	7,6
3	2123150096	Trần	Hoàng	24/05/2005	CCQ2315C		Trần	7,5	8,0	7,8
4	2122150063	Trương Gia	Kiên	22/01/2004	CCQ2215C		Trần	7,5	8,0	7,8
5	2123150097	Phạm Trọng	Quang	10/10/1993	CCQ2315C		Quang	6,0	6,0	6,0
6	2123060218	Trần Quốc	Tài	25/10/2004	CCQ2306A					
7	2123060214	Nguyễn Thành	Tín	26/09/2003	CCQ2306A		Tín	8,0	9,0	8,6
8	2122150062	Bùi Nguyễn Thiên	Toàn	02/09/2004	CCQ2215D					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825814] - Thực tập trang bị điện
(CCQ2215CD)

CBGD: Trần Trung Thuận (280035)

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150083	Lê Đức	23/11/2004	CCQ2215D		Lê Đức	6,5	6,0	6,2
2	2122150067	Nguyễn Đức	23/10/2004	CCQ2215D		Nguyễn Đức	8,5	9,0	8,8
3	2122150089	Trương Công	28/09/2004	CCQ2215D		Trương Công	7,0	9,0	8,2
4	2122220028	Trần Huỳnh	19/08/2004	CCQ2205D		Trần Huỳnh	6,0	7,0	6,6
5	2122150093	Nguyễn Văn	27/08/2004	CCQ2215D		Nguyễn Văn	6,5	6,0	6,2
6	2122150072	Trần Trung	20/07/2004	CCQ2215D		Trần Trung	6,0	6,0	6,0
7	2121150049	Trần Danh	27/02/2003	CCQ2115B		Trần Danh	9,0	9,0	9,0
8	2121150016	Lăng Minh	20/01/2003	CCQ2115A		Lăng Minh	6,5	9,0	8,0
9	2122150058	Đinh Hữu Ngô	28/09/2004	CCQ2215D		Đinh Hữu Ngô	8,0	9,0	8,6
10	2122150059	Nguyễn Tấn	16/05/2004	CCQ2215D		Nguyễn Tấn	6,5	6,0	6,2
11	2122150064	Phan Chí	21/11/2004	CCQ2215D		Phan Chí	7,0	9,0	8,2
12	2122150085	Võ Đức	16/11/2004	CCQ2215D		Võ Đức	6,0	6,0	6,0
13	2122150055	Huỳnh	18/09/2004	CCQ2215D		Huỳnh	7,0	7,0	7,0
14	2122150073	Vũ Trọng	28/08/2004	CCQ2215D		Vũ Trọng	8,0	9,0	8,6
15	2122150062	Bùi Nguyễn Thiên	02/09/2004	CCQ2215D		Bùi Nguyễn Thiên	6,5	7,0	6,7
16	2122150084	Nguyễn Trọng	21/09/2004	CCQ2215D		Nguyễn Trọng	7,0	9,0	8,2
17	2121150050	Nguyễn Trung	31/12/2003	CCQ2115B		Nguyễn Trung	9,0	9,0	9,0
18	2122150092	Châu Thanh	22/08/2004	CCQ2215D		Châu Thanh	9,0	7,0	7,8
19	2122150051	Hồ Đức	02/07/2004	CCQ2215D		Hồ Đức	7,0	9,0	8,2
20	2122150056	Phan Văn	06/11/2004	CCQ2215D		Phan Văn	6,0	6,0	6,0